

Số: 349/BC-UBND

Minh Long, ngày 17 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã.

Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân xã giao, Ủy ban nhân dân xã đã tập trung tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025; đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025. Ủy ban nhân dân xã báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2026, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

I. Thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 01)

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt là 2.467 triệu đồng bằng 706,9 % dự toán tỉnh giao và dự toán Hội đồng nhân dân xã giao, trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh ước đạt 167 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ ước đạt 45 triệu đồng.
- Thu phí và lệ phí ước đạt 69 triệu đồng, bằng 173,1 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.
- Các khoản thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.938 triệu đồng.
- Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước đạt 3 triệu đồng.
- Thu khác ngân sách ước đạt 246 triệu đồng, bằng 79,5 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao và bằng 79,5 % (*khoản thu này được kết cấu từ các nguồn thu phạt an toàn giao thông, thu tịch thu, thu phạt, thu tại xã, thu hồi các khoản chi năm trước*).

2. Thu ngân sách địa phương: Năm 2025 ước đạt là 205.037,79 triệu đồng bằng 179,7% dự toán tỉnh giao và dự toán Hội đồng nhân dân xã giao, trong đó:

- Thu cân đối phần ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: Ước đạt 23.844 triệu đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao, bằng 100 % dự toán Hội đồng nhân dân xã giao.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: Ước đạt 172.323 triệu đồng, bằng 191,6 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.

- Thu chuyển nguồn: 6.404 triệu đồng.

3. Nhận xét, đánh giá:

Số thu trên địa bàn xã năm 2025 là 2.467 triệu đồng, bằng 706,9% dự toán tỉnh giao và dự toán Hội đồng nhân dân xã giao. Trừ thu tiền sử dụng đất và các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %, các khoản còn lại thu 314,8 triệu đồng, đạt 90,2 % dự toán tỉnh. Thu khác ngân sách đạt thấp theo tiến độ dưới 80%, có thu các loại phí và lệ phí đạt và vượt trên 73%.

Sự phối hợp giữa các ban ngành với cơ quan thuế và Kho bạc nhà nước trong công tác đôn đốc thu ngân sách khá chặt chẽ và hiệu quả, công tác kiểm tra, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm cũng góp phần công tác thu ngân sách địa phương.

II. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 02)

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 ước đạt là 188.421,6 triệu đồng, bằng 122,4 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao, trong đó:

1. Chi cân đối ngân sách địa phương năm 2025 ước đạt là 142.138,4 triệu đồng, bằng 99,9 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách xã quản lý: Ước đạt 28.014,9 triệu đồng, bằng 99,5 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.

- Chi thường xuyên: Ước đạt 110.821,5 triệu đồng, bằng 100% dự toán tỉnh giao, 100 % HĐND xã giao.

- Chi ngoài định mức: Ước đạt 682 triệu đồng, bằng 100 % dự toán tỉnh giao, bằng 100% Hội đồng nhân dân xã giao.

- Dự phòng chi: Ước đạt 2.620 triệu đồng, bằng 100 % dự toán tỉnh giao và Hội đồng nhân dân xã giao.

2. Chi từ nguồn chuyển nguồn ngân sách năm 2024 sang 823,7 triệu đồng.

3. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán: 45.459,5 triệu đồng .

III. Tình hình sử dụng dự phòng chi ngân sách:(chi tiết tại Biểu số 03)

Tổng kinh phí dự phòng ngân sách xã là 2.620 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2025 dự phòng chi ngân sách sử dụng 756,2 triệu đồng.

Tóm lại: Trong năm 2025, việc tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách trên địa bàn xã đảm bảo thực hiện Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách nhà

nước và chi ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định điều chỉnh số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách năm 2025 đã giao tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và điều chỉnh dự toán quỹ tiền lương đối với biên chế cấp tỉnh chuyển về công tác tại cấp xã và biên chế cấp xã luân chuyển kể từ ngày 01/7/2025; Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2025 trên địa bàn xã.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, NĂM 2026

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 6.450 triệu đồng.

Trong đó:

- Thu từ công thương nghiệp – dịch vụ ngoài quốc doanh: 2.630 triệu đồng, *Trong đó:*
- Thuế GTGT: 2.380 triệu đồng
- Thuế TNDN: 250 triệu đồng
- Thu lệ phí trước bạ: 660 triệu đồng
- Thu thuế thu nhập cá nhân: 470 triệu đồng
- Thu phí và lệ phí: 370 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 2.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 320 triệu đồng (*trong đó: Thu khác NSTW 50 triệu đồng*)

2. Tổng thu ngân sách xã: 116.611 triệu đồng

Trong đó:

- Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp: 6.100 triệu đồng
- Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên: 96.233 triệu đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu ngân sách cấp trên: 14.278 triệu đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 116.611 triệu đồng

a) Chi đầu tư phát triển: 4.700 triệu đồng

- Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước: 3.000 triệu đồng
- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.700 triệu đồng

b) Chi thường xuyên: 95.586 triệu đồng

- Chi sự nghiệp giáo dục: 61.628 triệu đồng

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: 979 triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin: 212 triệu đồng
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 200 triệu đồng
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 200 triệu đồng
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 2.950 triệu đồng
- Chi sự nghiệp kinh tế: 8.206 triệu đồng
- Chi sự nghiệp môi trường: 500 triệu đồng
- Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể: 19.685 triệu đồng
- Chi an ninh: 300 triệu đồng
- Chi quốc phòng: 250 triệu đồng
- Chi khác ngân sách: 476 triệu đồng

c) Bổ sung theo định mức: 14.278 triệu đồng

d) Dự phòng chi ngân sách: 2.047 triệu đồng

(Chi tiết như các Biểu mẫu số 01 đến số 03 kèm theo)

IV. Giải pháp

Để đạt được nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2026 các cơ quan, đơn vị, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các Quyết định của UBND xã về giao dự toán thu NSNN trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2026; tăng cường công tác quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn xã.

Trong đó, tập trung triển khai thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Về thu NSNN:

- Phòng Kinh tế phối hợp với Cơ quan Thuế tiếp tục thực hiện tốt công tác thu NSNN, tham mưu, đề xuất UBND xã các giải pháp, biện pháp điều hành, đảm bảo thu đạt dự toán huyện giao năm 2026.
- Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ nhằm tập trung tối đa số thu NSNN; đồng thời, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch được giao góp phần vào thực hiện nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn.
- Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế, nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ thuế với NSNN.

- Ngành thuế triển khai thực hiện các biện pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời và chống thất thu thuế trong tất các lĩnh vực.

2. Về chi ngân sách:

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện điều hành, quản lý chi ngân sách nhà nước theo đúng chế độ qui định, trong phạm vi dự toán được giao đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định Quyết định của UBND xã về quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2026.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện công khai, minh bạch sử dụng NSNN; khẩn trương hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán, đẩy nhanh tiến độ chi ngân sách, kể cả chi cho các chế độ, chính sách, nhiệm vụ chương trình mục tiêu.

3. Công tác quyết toán vốn đầu tư:

Triển khai tiếp nhận những hồ sơ do các chủ đầu tư trình duyệt, trình phê duyệt các dự án đã thông qua công tác thẩm tra.

Kính báo cáo Hội đồng nhân dân xã./.

Nơi nhận:

- TT ĐU (báo cáo);
- TT HĐND;
- CP, PCT UBND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Ban KT-NS HĐND xã;
- CVP, PVP;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Điết

Phụ lục số 01

TÌNH HÌNH ƯỚC THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2025 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo thu NSNN và dự toán năm 2025 và dự toán năm 2026 ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Minh Long)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%) với		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	349,0	349,0	2.467,29	707,0%	707,0%	6.450,0	6.450,0	100,0%
A	Tổng thu cân đối NSNN trên địa bàn (I+II)	349,0	349,0	2.467,29	707,0%	707,0%	6.450,0	6.450,0	100,0%
I	Tổng thu cân đối trên địa bàn	349,0	349,0	2.467,29	707,0%	707,0%	6.450,0	6.450,0	100,0%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	0	0	0,000			6.450,0	6.450,0	100,0%
1.1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	0,0	0,0					0	
	- Thuế giá trị gia tăng								
1.2.	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tài nguyên								
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	0	0	167			2.630	2.630	100%
	- Thuế giá trị gia tăng			166			2.380	2.380	100%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						250	250	100%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	- Thuế tài nguyên	0		0,5					
	- Thu khác	0							
3	Thuế thu nhập cá nhân						470	470	100%
4	Thuế bảo vệ môi trường								

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%) với		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước								
5	Lệ phí trước bạ	0	0	45			660	660	100%
6	Các loại phí, lệ phí	40	40	69	173,1%	173,1%	370,0	370	100%
7	Các khoản thu về tài sản, nhà, mặt đất, mặt nước, mặt biển	0	0	1.941,0			2.000,0	2.000,0	100%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			3,00					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước								
	- Thu tiền sử dụng đất	0	0	1.938,0			2.000	2.000,0	100%
8	Thu khác ngân sách	309	309	246	79,5%	79,5%	320	320	100%
	Trong đó: - phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn giao thông	15	15	15					
	-Thu khác ngân sách từ Trung ương						50	50	100%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0						
	Trong đó: - Thu từ các mỏ do Trung ương cấp								
	- Thu từ các mỏ do địa phương cấp								
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác								
11	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước								
II	Thu từ hoạt động SX nhập khẩu								
B	Thu để lại chi quản lý qua NSNN								
	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)	114.123,0	114.123,0	205.037,79	179,7%	179,7%	116.611,00	116.611,00	100,0%
A	Thu cân đối ngân sách địa phương	114.123,0	114.123,0	205.037,79	179,7%	179,7%	116.611,0	116.611,0	100%
I	Các khoản thu cân đối NS xã được hưởng theo phân cấp	349,0	349,0	2.467,0	706,9%	706,9%	6.100,00	6.100,00	100,0%
1	Các khoản thu NS xã hưởng 100%	349,0	349,0	314,8	90,2%	90,2%	1.300,0	1.300,0	100,0%
2	Các khoản thu phân chia NS xã hưởng theo tỷ lệ %	0,0	0,0	2.152,3	0 00%		4.800 0	4.800 0	100 00%

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%) với		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán HĐND xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán tỉnh giao	HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
II	Bổ sung từ ngân sách tỉnh	113.774,0	113.774,0	196.166,7	172,4%	172,4%	110.511,0	110.511,0	100%
1	Bổ sung cân đối	21.150	21.150	21.150,0	100,0%	100,0%	73.213	73.213	100%
2	Bổ sung thực hiện CCTL	2.694	2.694	2.694,0			23.020	23.020	100%
3	Bổ sung có mục tiêu	89.930	89.930	172.323	191,6%	191,6%	14.278	14.278	100%
	- Bổ sung có mục tiêu theo dự toán đầu năm	89.930	89.930	134.952,0	150,1%	150,1%	14.278	14.278	100%
	- Bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán	0,00	0,00	37.370,7				0	
	- Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước								
III	Thu từ chuyển nguồn			6.404,0					
IV	Thu từ kết dư NS								
V	Thu cấp dưới nộp lên cấp trên								
B	Thu để lại chi quản lý qua NSNN								

Phụ lục số 02

TỈNH HÌNH QUOC CHI NSDP NĂM 2025 VÀ NHIỆM VỤ CHI NSDP NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 9/BC-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Minh Long)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%)		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		UBND tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán Tỉnh giao	DT HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A)+(B)+ (C) +(D)	153.926,3	153.926,3	188.421,6	122,4%	122,4%	102.333,0	102.333,0	100,0%
A	CHI CÂN ĐỐI	142.287,1	142.287,1	142.138,4	99,9%	99,9%	102.333,0	102.333,0	100,0%
I	Chi đầu tư phát triển	28.163,6	28.163,6	28.014,9	99,5%	99,5%	102.333,0	102.333,0	100,0%
1	Chi đầu tư theo phân cấp	28.163,6	28.163,6	28.014,9	99,5%	99,5%	4.700,0	4.700,0	100,0%
2	Chi từ nguồn sử dụng đất	0,0	0,0	0,0			3.000,0	3.000,0	100,0%
3	Nguồn vốn NS xã (nguồn đô thị loại V và nguồn khác)	0,0	0,0	0,0			1.700,0	1.700,0	100,0%
II	Chi thường xuyên theo các lĩnh vực	110.821,5	110.821,5	110.821,5	100,0%	100,0%	95.586,0	95.586,0	100,0%
1	Quốc phòng	275,20	275,20	275,2	100,0%	100,0%	250,0	250,0	100,0%
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.338,00	1.338,00	1.338,0	100,0%	100,0%	300,0	300,0	100,0%
3	Sự nghiệp giáo dục	69.870,00	69.870,00	69.870,0	100,0%	100,0%	61.628,0	61.628,0	100,0%
4	Sự nghiệp đào tạo	527,00	527,00	527,0	100,0%	100,0%	979,0	979,0	100,0%
5	Y tế, dân số và gia đình								
6	Văn hóa thông tin	535,58	535,58	535,6	100,0%	100,0%	212,0	212,0	100,0%
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	507,50	507,50	507,5	100,0%	100,0%	200,0	200,0	100,0%
8	Thể dục thể thao	241,09	241,09	241,1	100,0%	100,0%	200,0	200,0	100,0%
9	Sự nghiệp môi trường	819,03	819,03	819,0	100,0%	100,0%	500,0	500,0	100,0%
10	Các hoạt động kinh tế	5.897,50	5.897,50	5.897,5	100,0%	100,0%	8.206,0	8.206,0	100,0%
11	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29.062,21	29.062,21	29.062,2	100,0%	100,0%	19.685,0	19.685,0	100,0%
12	Chi bảo đảm xã hội	1.354,39	1.354,39	1.354,4	100,0%	100,0%	2.950,0	2.950,0	100,0%
13	Các khoản chi khác								

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%)		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		UBND tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán Tỉnh giao	DT HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
III	Chi bổ sung ngoài định mức	682	682,0	682,0	100,0%	100,0%			
IV	Dự phòng chi	2.620,0	2.620,0	2.620,0	100,0%	100,0%	2.047,0	2.047,0	100,0%
B	CHI TỪ NGUỒN CHUYỂN NGUỒN	1.453,7	1.453,7	823,7	56,7%	56,7%			
I	Ngân sách xã								
II	Chương trình mục tiêu quốc gia								
1	Vốn sự nghiệp	1.453,7	1.453,7	823,7	56,7%	56,7%	0,0	0,0	0,0
1.1	Vốn CTMTQG PTKTXH vùng đồn bà DTTS & MN	1.352,5	1.352,5	724,1	53,5%	53,5%			
1.2	Vốn CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	101,2	101,2	99,6	98,4%	98,4%			
1.3	Sự nghiệp giảm nghèo								
2	Vốn đầu tư								
C	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGUỒN NS TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	10.185,5	10.185,5	45.459,5	446,3%	446,3%			
I	Chương trình mục tiêu quốc gia								
*	Chi đầu tư								
*	Sự nghiệp	10.186	10.186	10.186	100,0%	100,0%			
1	Vốn CTMTQG PTKTXH vùng đồn bà DTTS & MN	5.138	5.138	5.138	100,0%	100,0%			
2	Vốn CTMTQG Xây dựng nông thôn mới	998	998	998	100,0%	100,0%			
3	Sự nghiệp giảm nghèo	4.050	4.050	4.050	100,0%	100,0%			
II	Vốn sự nghiệp thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ			35.274,0					
D	CHI NỘP NS CẤP TRÊN								

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025	So sánh (%)		Dự toán tỉnh giao năm 2026	Dự toán xã giao năm 2026	So sánh dự toán xã giao với dự toán tỉnh giao
		UBND tỉnh giao	HĐND xã giao		Dự toán Tỉnh giao	DT HĐND xã giao			
A	B	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(2)	(6)=(4)/(3)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
E	CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI QUẢN LÝ QUA NGÂN SÁCH								

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 129/BC-UBND ngày 17/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Minh Long)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Quyết định		Đơn vị	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
	Số	ngày				
1	2	3	4	5	6	7
A	Tổng nguồn				2.620,000	
	Trong đó:					
1	Dự toán đầu năm cho 3 xã Long Hiệp, Thanh An, Long Môn				360,000	
2	Ngân sách huyện chuyển về xã tiếp tục thực hiện				2.260,000	
B	Kinh phí đã sử dụng và dự kiến sử dụng				756,200	
I	Kinh phí đã có Quyết định phân bổ của UBND xã				756,200	
C	Kinh phí chưa phân bổ (A)-(B)				1.863,800	

